

Bản án số: **55/2020/DS-ST**

Ngày 29-12-2020

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,  
TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hạ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hữu Thiện;

2. Ông Nguyễn Thanh Phiên.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Quốc Tuấn, thư ký Tòa án Huyện Dương Minh Châu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 380/2020/TLST-DS ngày 22-7-2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Thanh T**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp NB, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Đỗ Công Đ**, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp NA, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Đỗ Thị Thanh T1**, sinh năm 1969; có đơn xin vắng mặt.

3.2. Ông **Đỗ Thành T2**, sinh năm 1994; có đơn xin vắng mặt.

3.3. Bà **Lê Thị Ngọc T3**, sinh năm 1977; có đơn xin vắng mặt.

3.4. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1989; có đơn xin vắng mặt.

3.4. **Cháu Đỗ Thành P**, sinh năm 2012;

3.6. **Cháu Đỗ Thanh T4**, sinh năm 2014;

*Người đại diện theo pháp luật của cháu P, cháu T4:* Ông **Đỗ Thanh T**, bà **Nguyễn Thị Q**, có đơn xin vắng mặt.

3.7. Bà **Đỗ Huỳnh Trang D**, sinh năm 1990; có đơn xin vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp Ninh P, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh.

- 3.8. Bà Đỗ Thị Phương N, sinh năm 1977; có đơn xin vắng mặt.  
3.9. Ông Đỗ Công B, sinh năm 1986; có đơn xin vắng mặt.  
3.10. Bà Đỗ Thị Phương C, sinh năm 1980; có đơn xin vắng mặt.  
Cùng nơi cư trú: Ấp NB, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh.  
3.11. Bà Đỗ Huỳnh Trang D, sinh năm 1990; có đơn xin vắng mặt.  
3.12. Ông Đỗ Hiếu T5, sinh năm 1992; có đơn xin vắng mặt.  
Cùng nơi cư trú: Ấp TA, xã MC, Huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn, ông T trình bày:*

Cha mẹ ông là cụ Đỗ Công T3, sinh năm 1936 (chết ngày 09-9-2014), cụ Lê Thị T6, sinh năm 1943 (chết ngày 22-3-2000). Cụ T3, cụ T6 có 09 (chín) người con, gồm: Ông Đỗ T3 T7, sinh năm 1966 (chết ngày 23-10-2001). Ông T7 có vợ tên Huỳnh Thị R, và 02 người con: Bà Đỗ Huỳnh Trang D, sinh năm 1990 và ông Đỗ Hiếu T5, sinh năm 1992. Ông Đỗ Thanh T. Bà Đỗ Thị Thanh T1. Ông Đỗ Thanh N1, sinh năm 1970 (chết ngày 23-01-2017); có vợ tên Nguyễn Thị Thùy H (chết năm 2008) và 02 người con: Ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ. Bà Đỗ Thị T3 G (chết năm 1991), không có chồng, con. Ông Đỗ T3 Tòng (chết ngày 03-6-2015), không có vợ, con. Bà Đỗ Thị Phương N. Bà Đỗ Thị Phương C. Ông Đỗ Công B. Ngoài ra cụ T3, cụ T6 không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Khi còn sống cụ T3, cụ T6 có tạo lập được khối tài sản sau:

Phần đất diện tích 666 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 139 tờ bản đồ 04; tại ấp NB, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ T3 đứng tên ngày 02-01-1998 (năm 2016 chuyển đo lường năm 2010 thành thửa đất số 26 tờ bản đồ 36, diện tích 912,5 m<sup>2</sup>).

Trên đất có hai căn nhà gỗ: Căn nhà đầu tiên (từ đường đi vào) của anh Đỗ Thanh Tòng khi còn sống xây dựng, hiện một mình chị bà Lê Thị Ngọc T3 đang ở nhờ trên căn nhà này. Căn nhà thứ hai (từ đường đi vào) do cụ T3, cụ T6 để lại; hiện ông, bà Nguyễn Thị Q và hai con Đỗ Thành P, Đỗ Thanh T4 đang sinh sống. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đang giữ bản gốc, không cầm cố thế chấp cho ai, tôi cam kết không cầm cố thế chấp cho ai cho đến khi giải quyết xong vụ việc.

Cụ T3, cụ T6 chết không để lại di chúc. Vào năm 2019 (không nhớ ngày tháng): Tất cả những người thừa kế của cụ T3, cụ T6 có họp mặt và thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của cụ T3, cụ T6; tuy nhiên, ông Đỗ Công Đ không đồng ý ký tên nên không thực hiện được việc phân chia di sản thừa kế.

Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu: Chia di sản thừa kế là diện tích 912,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 26 tờ bản đồ 36 do cụ T3 đứng tên theo quy định pháp luật. Ông yêu cầu được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Ông không tranh chấp về các tài sản trên đất.

Ông đề nghị Tòa án ghi nhận việc bà Đỗ Thị Phương N tặng cho kỷ phần thừa kế của bà cho ông.

*Bị đơn ông Đ trình bày:* Vắng mặt nên không có lời khai.

*Bà Đỗ Thị Thanh T1 trình bày:*

Thừa nhận lời trình bày của ông T về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ T3, cụ T6 là đúng. Cụ T3, cụ T6 chết không để lại di chúc. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

*Ông Đỗ Thành T2 trình bày:*

Thừa nhận lời trình bày của ông T về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ T3, cụ T6, ông Nhã là đúng. Cụ T3, cụ T6 chết không để lại di chúc. Nay ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

*Bà Lê Thị Ngọc T3 trình bày:*

Bà chỉ ở nhờ tại căn nhà của ông T8 (đã chết) trên đất tranh chấp. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà tự nguyện giao nhà đất bà ở nhờ cho người được chia thừa kế theo quyết định của Tòa án, không có ý kiến gì khác.

*Bà Nguyễn Thị Q trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày và quyết định của ông T, không có ý kiến gì khác.

*Bà Đỗ Huỳnh Trang D trình bày:*

Thừa nhận lời trình bày của ông T về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ T3, cụ T6, ông T7 là đúng. Cụ T3, cụ T6 chết không để lại di chúc. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

*Ông Đỗ Hiếu T5 trình bày:*

Thừa nhận lời trình bày của ông T về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ T3, cụ T6, ông T7 là đúng. Cụ T3, cụ T6 chết không để lại di chúc. Nay ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

*Bà Đỗ Thị Phương N trình bày:*

Thừa nhận lời trình bày của ông T về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ T3, cụ T6 là đúng. Cụ T3, cụ T6 chết không để lại di chúc. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà đồng ý. Bà tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế bà được nhận cho ông T, bà không yêu cầu được hưởng.

*Bà Đỗ Thị Phương C trình bày:*

Thừa nhận lời trình bày của ông T về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ T3, cụ T6 là đúng. Cụ T3, cụ T6 chết không để lại di chúc. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà đồng ý. Bà tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế bà được nhận cho ông B, bà không yêu cầu được hưởng.

*Ông Đỗ Công B trình bày:*

Thừa nhận lời trình bày của ông T về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ T3, cụ T6 là đúng. Cụ T3, cụ T6 chết không để lại di chúc. Nay ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T và đồng ý nhận kỷ phần thừa kế bà C tặng cho ông.

Diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 912,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 26 tờ bản đồ 36; tại ấp NB, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ T3 đứng tên ngày 02-01-1998. Đất trị giá 1.953.512.500 đồng; tài sản trên đất trị giá 49.569.200 đồng; tổng cộng 2.003.082.000 đồng (làm tròn).

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:**

+ Về tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông T xác định quan hệ pháp luật chia di sản thừa kế là đúng. Thời hiệu yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm, cụ Đỗ Công T3, chết ngày 09-9-2014, cụ Lê Thị T6, chết năm 2000 nên thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ T3, cụ T6 vẫn còn. Hàng thừa kế của cụ T3, cụ T6 gồm: Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 (cùng hưởng chung kỷ phần thừa kế của ông Đỗ Thanh T7); ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ (cùng hưởng chung kỷ phần thừa kế của ông Đỗ Thanh N1); ông Đỗ Thanh T; bà Đỗ Thị Thanh T1; bà Đỗ Thị Phương N; bà Đỗ Thị Phương C; ông Đỗ Công B.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 912,5 m<sup>2</sup> do cụ T3 để lại theo quy định pháp luật; tuy nhiên khi chia di sản của cụ T3 cần xét công sức của ông T là người quản lý gìn giữ di sản, trực tiếp chăm sóc cụ T3, cụ T6, hiện đang thờ cúng cụ T3, cụ T6, ông T8, bà G để chia cho ông T thêm một kỷ phần thừa kế. Ghi nhận bà N tặng cho ông T kỷ phần thừa kế của bà được hưởng và bà C tặng cho ông B kỷ phần thừa kế của bà được hưởng.

Các đương sự chịu chi phí đo đạc, định giá và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai cho ông Đỗ Công Đ nhưng vắng mặt không có lý do; các đương sự bà Đỗ Thị Ngọc T1, ông Đỗ Thành T2, bà Lê Thị Ngọc T3, bà Nguyễn Thị Q, bà Đỗ Huỳnh Trang D, bà Đỗ Thị Phương N, ông Đỗ Công B, bà Đỗ Thị Phương C, ông Đỗ Hiếu T5, người đại diện theo pháp luật của cháu Đỗ Thành P, cháu Đỗ Thanh T4 có đơn xin vắng mặt; do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế; cụ T6 chết năm 2000, cụ T3 chết năm 2015 đến nay thời hiệu khởi kiện chia di sản vẫn còn.

[3] Về hàng thừa kế của cụ T3, cụ T6: Cụ T3, cụ T6 chung sống có các con chung: Ông Đỗ Thanh T7 (chết ngày 23-10-2001) có 02 người con: Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5. Ông Đỗ Thanh T. Bà Đỗ Thị Thanh T1. Ông Đỗ Thanh Nhã (chết ngày 23-01-2017) có 02 người con: Ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ. Bà Đỗ Thị Thanh G (chết năm 1991), không có chồng, con. Ông Đỗ Thanh Tòng (chết ngày 03-6-2015), không có vợ, con. Bà Đỗ Thị Phương N. Bà Đỗ Thị Phương C. Ông Đỗ Công B. Ngoài ra cụ T3, cụ T6 không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Như vậy, những người thừa kế của cụ T3, cụ T6 gồm: Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 (cùng hưởng chung kỷ phần thừa kế của ông Đỗ Thanh T7); ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ (cùng hưởng chung kỷ phần thừa kế của ông Đỗ Thanh N1); ông Đỗ Thanh T; bà Đỗ Thị Thanh T1; bà Đỗ Thị Phương N; bà Đỗ Thị Phương C; ông Đỗ Công B.

[4] Di sản: Các đương sự đều thừa nhận các tài sản tranh chấp (đo đạc thực tế có diện tích 912,5 m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 26 tờ bản đồ 36; tại ấp NB, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ T3 đứng tên ngày 02-01-1998 là di sản của cụ T3, cụ T6 để lại. Trị giá đất tranh chấp là 1.953.512.500 đồng; các đương sự không tranh chấp nhà và cây trồng, tài sản khác trên đất.

Cụ T3, cụ T6 chết không để lại di chúc; do đó di sản được chia theo quy định pháp luật.

Ông T là người có công sức quản lý gìn giữ di sản, trực tiếp chăm sóc cụ T3, cụ T6 khi còn sống, hiện đang thờ cúng cụ T3, cụ T6, ông T8, bà G. Vì vậy, cần chia cho ông T thêm một kỷ phần thừa kế là phù hợp.

Như vậy di sản thừa kế chia thành 08 kỷ phần thừa kế.

Mỗi kỷ phần thừa kế trị giá:

1.953.512.500 đồng : 08 kỷ phần = 244.189.063 đồng.

Ghi nhận bà N tặng cho ông T kỷ phần thừa kế của bà được hưởng. Bà C tặng cho ông B kỷ phần thừa kế của bà được hưởng.

Ông T hưởng 03 kỷ phần thừa kế trị giá: 244.189.063 đồng x 03 kỷ phần = 732.567.188 đồng.

Ông B hưởng 02 kỷ phần thừa kế trị giá: 244.189.063 đồng x 02 kỷ phần = 488.378.125 đồng.

[5] Phương thức phân chia di sản:

Ông Đ, ông T2 cùng hưởng chung kỷ phần thừa kế của ông N1, nhưng giữa các bên có mâu thuẫn lẫn nhau, cũng mâu thuẫn với ông T, việc chia hưởng hiện vật sẽ gây khó khăn trong quá trình làm thủ tục và sử dụng đất; do đó chia bằng giá trị là phù hợp hơn.

Di sản tranh chấp được chia như sau:

Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 được quyền quản lý, sử dụng chung diện tích đất 160 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 50 m<sup>2</sup> đất ONT, 110 m<sup>2</sup> đất CLN), trị giá 314.060.000 đồng.

Bà Đỗ Thị Thanh T1, ông Đỗ Công B mỗi người được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 160 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 50 m<sup>2</sup> đất ONT, 110 m<sup>2</sup> đất CLN), trị giá 314.060.000 đồng.

Ông Đỗ Thanh T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 432,5 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 250 m<sup>2</sup> đất ONT; 182,5 m<sup>2</sup> đất CLN), trị giá 1.011.332.500 đồng.

Các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất. Các đương sự được chia hiện vật giá trị dư so với kỹ phần mình được nhận nên có nghĩa vụ trả chênh lệch giá trị cho những người được hưởng thừa kế khác, cụ thể:

Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 liên đới trả cho Đỗ Công B số tiền 69.871.000 đồng (làm tròn).

Bà Đỗ Thị Thanh T1 trả cho ông Đỗ Công B số tiền 69.871.000 đồng (làm tròn).

Ông Đỗ Thanh T trả cho ông Đỗ Công B số tiền 34.576.000 đồng (làm tròn).

Ông Đỗ Thanh T trả cho ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ hưởng chung số tiền 244.189.000 đồng (làm tròn).

[6] Về chi phí đo đạc, định giá:

Tổng chi phí tố tụng: 25.070.000 đồng.

Theo Khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự: Mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Mỗi kỹ phần thừa kế tương ứng số tiền: 25.070.000 đồng : 08 kỹ phần = 3.133.750 đồng.

Ông Đỗ Thanh T phải chịu 03 phần: 3.133.750 đồng x 03 kỹ phần = 9.401.250 đồng.

Ông Đỗ Công B phải chịu 02 phần: 3.133.750 đồng x 02 kỹ phần = 6.267.500 đồng.

Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 cùng chịu chung số tiền 3.134.000 đồng (làm tròn).

Ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ cùng chịu chung số tiền 3.134.000 đồng (làm tròn).

Bà Đỗ Thị Thanh T1 phải chịu số tiền 3.134.000 đồng (làm tròn).

Bà N, bà C không phải chịu.

Ông T đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng; do đó, các thừa kế khác có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điểm a, Khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các đương sự phải chịu án phí tương ứng đối với phần tài sản mà họ được hưởng; cụ thể:

Ông Đỗ Thanh T phải chịu:

$20.000.000 \text{ đồng} + \{4\% \times (732.567.188 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})\} = 36.628.000 \text{ đồng (làm tròn)}.$

Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 cùng phải chịu chung:

$244.189.063 \text{ đồng} \times 5\% = 12.209.000 \text{ đồng (làm tròn)}.$

Ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ cùng phải chịu chung:

$244.189.063 \text{ đồng} \times 5\% = 12.209.000 \text{ đồng (làm tròn)}.$

Bà Đỗ Thị Thanh T1 phải chịu 12.209.000 đồng (làm tròn).

Ông Đỗ Công B phải chịu:

$20.000.000 \text{ đồng} + \{4\% \times (488.378.125 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})\} = 24.419.000 \text{ đồng (làm tròn)}.$

Bà N, bà C không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 612, 623, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1, 2 Điều 228; Khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ T3 T.

1.1. Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 được quyền quản lý, sử dụng chung diện tích đất 160 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 50 m<sup>2</sup> đất ONT, 110 m<sup>2</sup> đất CLN).

1.2. Bà Đỗ Thị Thanh T1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 160 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 50 m<sup>2</sup> đất ONT, 110 m<sup>2</sup> đất CLN). Trên đất có chuồng bò.

1.3. Ông Đỗ Công B được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 160 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 50 m<sup>2</sup> đất ONT, 110 m<sup>2</sup> đất CLN).

Buộc bà Lê Thị Ngọc T3 có nghĩa vụ giao diện tích đất trên cho ông Đỗ Công B quản lý, sử dụng. Trên đất có căn nhà, cây trồng.

1.4. Ông Đỗ Thanh T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 432,5 m<sup>2</sup> đất (trong đó có 250 m<sup>2</sup> đất ONT; 182,5 m<sup>2</sup> đất CLN).

Vị trí đất được chia có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

Đất tọa lạc tại ấp NB, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh.

1.5. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp hoa màu và các cây trồng trên đất.

1.6. Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 liên đới trả cho Đỗ Công B số tiền 69.871.000 (*Sáu mươi chín triệu tám trăm bảy mươi một nghìn*) đồng.

1.7. Bà Đỗ Thị Thanh T1 trả cho ông Đỗ Công B số tiền 69.871.000 (*Sáu mươi chín triệu tám trăm bảy mươi một nghìn*) đồng.

1.8. Ông Đỗ Thanh T trả cho ông Đỗ Công B số tiền 34.576.000 (*Ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn*) đồng.

1.9. Ông Đỗ Thanh T trả cho ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ hưởng chung số tiền 244.189.000 (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi chín nghìn*) đồng.

1.10. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về C phí đo đạc, định giá:

2.1. Ông Đỗ Công B trả cho ông Đỗ Thanh T 6.267.500 (*Sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng.

2.2. Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 cùng trả cho ông Ông Đỗ Thanh T 3.134.000 (*Ba triệu một trăm ba mươi bốn nghìn*) đồng.

2.3. Ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ cùng trả cho ông Đỗ Thanh T 3.134.000 (*Ba triệu một trăm ba mươi bốn nghìn*) đồng.

2.4. Bà Đỗ Thị Thanh T1 trả cho ông Đỗ Thanh T số tiền 3.134.000 (*Ba triệu một trăm ba mươi bốn nghìn*) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Đỗ Thanh T phải chịu 36.628.000 đồng, được khấu trừ vào 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004876 ngày 21-7-2020 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ông Đỗ Thanh T còn phải nộp thêm số tiền 32.878.000 (*Ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn*) đồng.

3.2. Bà Đỗ Huỳnh Trang D, ông Đỗ Hiếu T5 cùng phải chịu chung 12.209.000 (*Mười hai triệu hai trăm lẻ chín nghìn*) đồng.

3.3. Ông Đỗ Thành T2, ông Đỗ Công Đ cùng phải chịu chung 12.209.000 (*Mười hai triệu hai trăm lẻ chín nghìn*) đồng.

3.4. Bà Đỗ Thị Thanh T1 phải chịu 12.209.000 (*Mười hai triệu hai trăm lẻ chín nghìn*) đồng.

3.5. Ông Đỗ Công B phải chịu 24.419.000 (*Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười chín nghìn*) đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND H.DMC,
- C cục THA H.DMC,

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**



- Các đương sự;
- Lưu tập án, lưu hồ sơ,

**TẠ THỊ HẠ**

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa  
phiên tòa